

BẢN DỊCH

TRUY CẬP MỞ TRONG XUẤT BẢN HỌC THUẬT

Nguyễn Lê Uyên Minh¹, Nguyễn Minh Tâm^{2,*}

¹Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

²Khoa Cơ bản, Trường Đại học Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Tóm tắt: Bài viết khám phá bối cảnh của truy cập mở (Open Access - OA) bao gồm nguồn gốc, sự phát triển và tình trạng hiện nay trong xuất bản học thuật. Nghiên cứu đem đến cái nhìn sâu sắc về OA, các thể loại và sự khác biệt của OA so với các mô hình đăng ký trả phí truyền thống. Bài viết đi sâu vào những ưu điểm và nhược điểm của xuất bản OA, đồng thời nêu bật các khác biệt về tỉ lệ OA giữa các ngành và khu vực địa lý khác nhau. Nhóm tác giả cũng phân tích các xu hướng và tiềm năng của OA; nhấn mạnh việc tất cả các bên liên quan trong xuất bản học thuật, bao gồm các nhà hoạch định chính sách, nhà xuất bản, nhà tài trợ nghiên cứu, chính phủ, thư viện và các hiệp hội tri thức... hiểu một cách toàn diện về OA là rất quan trọng. Điều chỉnh bản chất phức tạp của OA và thích ứng với sự thay đổi của khuynh hướng giao tiếp học thuật là vô cùng cần thiết.

Từ khóa: truy cập mở, xuất bản học thuật, phổ biến nghiên cứu, tạp chí học thuật, truyền thông khoa học

1. GIỚI THIỆU

Curcic (2023) ghi nhận có hơn 64 triệu tạp chí học thuật trên toàn thế giới kể từ năm 1996, và con số này dự kiến sẽ tiếp tục tăng. Những ấn phẩm này bao gồm nhiều chủ đề và lĩnh vực nghiên cứu khác nhau (Zul, 2023). Thế giới xuất bản học thuật, vốn trước đây được định hình bởi sự hạn chế truy cập và phân phối thông qua các mô hình trả phí đăng ký, hiện đang chứng kiến sự thay đổi đáng kể nhờ vào phong trào **Truy cập Mở (Open Access - OA)**. Theo số liệu thống kê của Kim và Park (2021), hơn 90% các ấn phẩm (tương đương hơn 2 triệu ấn phẩm), được xuất bản hàng năm trên toàn cầu dưới dạng OA. Các nhà xuất bản hàng đầu, bao gồm Springer, Elsevier, Wiley, RSC, MDPI, BMC, PLoS, Frontiers, và Hindawi¹, xuất bản hơn 10.000 ấn phẩm OA hàng năm. Sự thay đổi này cải thiện đáng kể khả năng tiếp cận nghiên cứu, đẩy nhanh tiến bộ khoa học và thúc đẩy hợp tác quốc tế.

Tuy nhiên, việc chuyển đổi sang OA không hề dễ dàng vì nó đặt ra nhiều vấn đề quan

trọng như nguồn vốn tài trợ, khả năng đảm bảo chất lượng khoa học của các ấn phẩm và những ảnh hưởng tiềm ẩn tới các lĩnh vực khoa học khác. Trên cơ sở tìm hiểu về lịch sử, các nguyên tắc cơ bản và tác động sâu rộng của OA, chúng ta có thể nhận thức rõ hơn vai trò quan trọng của nó trong việc thay đổi cách thức chia sẻ kiến thức. Vì vậy, bài viết này sẽ phân tích những lợi ích và thách thức liên quan đến OA, bao gồm nguồn tài trợ, việc kiểm soát chất lượng và sự tác động đến các bên liên quan như các nhà hoạch định chính sách, nhà xuất bản, nhà tài trợ nghiên cứu, chính phủ, thư viện và các hiệp hội học thuật... Hiểu rõ khái niệm OA là điều cần thiết để nắm bắt được tác động của nó đối với xu hướng công bố và xuất bản nghiên cứu khoa học hiện nay cũng như trong tương lai.

2. HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN HỌC THUẬT

2.1. Những thuật ngữ liên quan thường dùng

Công bố học thuật đóng vai trò then chốt đối với sự tiến bộ của một nhà nghiên cứu

¹Vào tháng 12 năm 2023, Wiley Publishing, công ty đã mua lại Hindawi vào năm 2021, thông báo rằng họ sẽ ngừng sử dụng thương hiệu Hindawi. Quyết định này được đưa ra “để giảm thiểu sự thao túng có hệ thống trong quá trình xuất bản của Hindawi”.

trong cơ sở giáo dục, đồng thời lan tỏa các công trình nghiên cứu khoa học đến với cộng đồng học thuật và công chúng. Bằng việc cho ra đời các sản phẩm học thuật, tác giả khẳng định quyền sở hữu trí tuệ của mình đối với sáng kiến và để lại dấu ấn trí tuệ lâu bền. Công tác xuất bản trao quyền cho nhà nghiên cứu tuyên bố quyền sở hữu sáng tạo đối với một ý tưởng và bảo vệ nó khỏi việc bị sao chép bởi người khác. Ngoài ra, xuất bản học thuật còn đảm bảo việc bảo tồn lâu dài các khái niệm và khám phá khoa học để ứng dụng về sau, chẳng hạn như việc phổ biến kết quả nghiên cứu, bài báo, sách và sản phẩm trí tuệ khác thông qua các tạp chí khoa học, kỷ yếu hội thảo, ...

Theo Park và Shim (2011), về mục đích, “*xuất bản học thuật đóng vai trò cốt yếu trong việc thăng tiến, bổ nhiệm, công nhận và chứng nhận chất lượng nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục*”. Thực tế, đây là yếu tố cần thiết cho sự phát triển của tri thức, chia sẻ thành tựu nghiên cứu và thúc đẩy thảo luận, hợp tác học thuật trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Các nhà xuất bản và tạp chí thường sử dụng quy trình bình duyệt để đảm bảo chất lượng và tính hợp lệ của nghiên cứu được công bố (Elsevier, 2024; Wiley, 2024a).

Ngày nay, internet đã mang lại sự thay đổi đáng kể trong cách thức giao tiếp và xuất bản học thuật của cộng đồng khoa học toàn cầu. Sự xuất hiện của chuyển đổi số không chỉ cách mạng hóa việc phổ biến nghiên cứu, mà còn tạo điều kiện cho sự ra đời của các hình thức hợp tác học thuật mới. Sự chuyển đổi sang các nền tảng điện tử đã dần thay thế các ấn phẩm in ấn truyền thống (Robert, 1999).

Một đặc điểm nổi bật của xuất bản học thuật là việc cấp **Mã số tiêu chuẩn quốc tế dành cho xuất bản phẩm nhiều kỳ (International Standard Serial Number - ISSN)** cho các tạp chí khoa học và **Mã số tiêu chuẩn quốc tế dành cho sách (International Standard Book Number - ISBN)** và các ấn phẩm học thuật khác. ISSN và ISBN là các mã định danh chữ số và chữ cái riêng biệt giúp xác định đồng thời theo dõi

các tạp chí và sách, qua đó đơn giản hóa việc quản lý và truy xuất thông tin (ALA, 2022). Bên cạnh đó, **Mã định danh đối tượng số (Digital Object Identifier - DOI)** được xem là tiêu chuẩn phổ biến để nhận diện và liên kết duy nhất, vĩnh viễn các tài liệu trực tuyến trên internet. Từ năm 2000, tổ chức Quốc tế DOI là một cơ quan đăng ký, chịu trách nhiệm cấp phát và quản lý các chuỗi ký tự chữ và số này, tạo ra một mã định danh duy nhất cho mỗi tài liệu trực tuyến (Morris, 1998; Surprenant, Blake, & Warwick, 1998; Schroeder, 1998; Simmonds, 1999; Mooney, 2001, trích dẫn trong Gorraiz et al., 2016). Việc sử dụng mã số DOI trong trích dẫn giúp tạo ra các kết nối đáng tin cậy hơn dẫn nguồn tới các tài liệu tham khảo và có thể giảm thiểu tình trạng hỏng liên kết trong các bài viết học thuật (Gorraiz et al., 2016). Crossref là một tổ chức phi lợi nhuận điều hành cơ quan đăng ký DOI cho các ấn phẩm khoa học, giữ vị trí hàng đầu trong lĩnh vực này. Hợp tác với các nhà xuất bản, Crossref đảm nhận việc phân bổ mã số DOI cho tài liệu và kiểm chứng tính chính xác, tính cập nhật của thông tin liên kết với từng mã số DOI này (Crossref, 2021).

Vào những năm 1960 và 1970, sự ra đời của công nghệ thông tin và máy tính đã dẫn đến việc số hóa các cơ sở dữ liệu (CSDL) dạng thư mục, từ đó tạo điều kiện truy cập và truy xuất thông tin nhanh chóng, thuận tiện hơn. Hãy hình dung CSDL như một thư viện số khổng lồ lưu trữ lượng lớn thông tin về vô số ấn phẩm khoa học. Điều này bao gồm các chi tiết như tên tác giả, phần tóm tắt và tần suất các nghiên cứu khác tham khảo từ công trình đó. Các nhà nghiên cứu sử dụng rộng rãi thông tin này để đánh giá chất lượng nghiên cứu, xếp hạng các trường đại học và tìm kiếm nguồn kinh phí nghiên cứu. Trên toàn cầu, các nhà nghiên cứu đã tạo ra nhiều CSDL dạng thư mục ở các ngành khác nhau như khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, nhân văn và nghệ thuật. Các CSDL thường được sử dụng phổ biến bao gồm **PubMed**, **Web of Science (WoS)**, **SCOPUS** và **Google Scholar**. Những CSDL này thường bao gồm bốn chỉ số nghiên cứu chính: (1) **số lượng bài báo**; (2) **số lần**

trích dẫn²; (3) **chỉ số h**³; và (4) **chỉ số h hàng năm**⁴ (Patra, 2017).

Một trong những CSDL thư mục đầu tiên trong lĩnh vực điện tử là **PubMed**, được phát triển bởi Thư viện Y khoa Quốc gia (Mỹ) vào năm 1997 (National Library of Medicine, 1997). Eugene Garfield đã thành lập **Viện Thông tin Khoa học (Institute for Scientific Information - ISI)** và sau đó phát triển nền tảng Web of Knowledge, nền tảng này đã trải qua nhiều thay đổi và cuối cùng có tên gọi như hiện nay là **Web of Science**, thường được viết tắt là **WoS** (Pranckut, 2021). ISI cũng đã tạo ra **Chỉ số Trích dẫn Khoa học (Science Citation Index - SCI)** vào năm 1964 (Haddow, 2018).

Ngoài việc đóng góp cho WoS, ISI còn có một số công cụ nổi bật như báo cáo trích dẫn tạp chí để đánh giá năng suất nghiên cứu khoa học. Mỗi năm, công cụ này cập nhật **Hệ số Tác động của tạp chí (Journal Impact Factor - JIF, thường gọi tắt là IF)** của tất cả các tạp chí được lập chỉ mục. Cơ sở dữ liệu tiếp theo là **SCOPUS** của nhà xuất bản Elsevier, với khoảng 21.500 ấn phẩm, 131.000 sách và hơn 7,5 triệu kỷ yếu hội thảo được lập chỉ mục (Ayman, 2019). CSDL SCOPUS cũng sử dụng chỉ số riêng của mình để đánh giá tầm ảnh hưởng, được gọi là **CiteScore**, được thiết kế để cạnh tranh với JIF (Trịnh Thị Phương Thảo và cộng sự, 2019). Vào năm 2004, công ty Google Inc. đã giới thiệu CSDL **Google Scholar**, một công cụ tìm kiếm học thuật toàn diện được công nhận và sử dụng rộng rãi cho phép người dùng dễ dàng tìm kiếm và truy xuất thông tin học thuật (Gusenbauer, 2019; Noruzi, 2005).

Để đánh giá chất lượng khoa học của công trình nghiên cứu, hai cơ sở dữ liệu WoS và SCOPUS sử dụng tiêu chí **xếp hạng theo tứ phân vị (quartile ranking)**. Xếp hạng theo tứ phân vị là một phương pháp đánh giá và phân biệt các tạp chí hàng đầu dựa trên số lượng

nghiên cứu và giá trị học thuật của chúng. Nói chung, các chuyên gia khuyên người làm nghiên cứu nên gửi công trình nghiên cứu của mình đến các tạp chí được xếp hạng trong tứ phân vị của WoS hoặc SCOPUS để các công trình này có được sự công nhận trong lĩnh vực chuyên môn của tác giả. Các tạp chí được xác định xếp hạng theo tứ phân vị của mình dựa trên số lần trích dẫn và uy tín trong mỗi danh mục (ví dụ, Hệ số tác động của Tạp chí quyết định thứ hạng tứ phân vị của CSDL WoS, còn CiteScore thì dùng để đánh giá SCOPUS). Do đó, chúng ta phân loại 25% tạp chí khoa học hàng đầu trong một lĩnh vực nào đó là các tạp chí **Q1**. Đây là những ấn phẩm chất lượng cao nhất cung cấp những tri thức giá trị và nhận được nhiều lần trích dẫn. Theo sau, nhóm từ 25-50% rơi vào danh mục **Q2**, bao gồm các tạp chí cung cấp quan điểm chi tiết về nhiều chủ đề khác nhau. Các tạp chí **Q3**, chiếm 50-75% trong bảng xếp hạng, chuyên sâu vào các lĩnh vực cụ thể và cung cấp góc nhìn nghiên cứu đặc thù. Cuối cùng, phần còn lại trong khoảng 75-100% là các tạp chí **Q4**, thường được các tác giả mới làm nghiên cứu quan tâm. Dựa trên chuyên môn cá nhân và chủ đề quan tâm, các nhà nghiên cứu có thể chọn một tạp chí có xếp hạng theo tứ phân vị thích hợp để xuất bản công trình khoa học của mình (Clarivate, 2022).

2.2. Chi phí của việc xuất bản học thuật và mô hình xuất bản truyền thống

Cần lưu ý rằng việc duy trì các hoạt động xuất bản học thuật trên các tạp chí khoa học sao cho hiệu quả, liên tục và bền vững theo thời gian là một nhiệm vụ rất khó khăn và tốn kém. Ví dụ, Hội Y Khoa Massachusetts sở hữu và xuất bản **The New England Journal of Medicine (NEJM)**, một tạp chí danh tiếng và lâu đời được biết đến như “kinh thánh của ngành y học”. Được thành lập năm 1812, Tạp chí **NEJM** vẫn phát triển mạnh mẽ cho đến ngày nay, xuất bản 52 số mỗi tuần (The New

² Tổng số lần bài báo của tác giả được trích dẫn, phản ánh tầm ảnh hưởng và tầm quan trọng của công trình nghiên cứu (Patra, 2017).

³ Chỉ số h thể hiện thành tựu của một học giả qua việc xuất bản tối thiểu ‘h’ số ấn phẩm, mỗi ấn phẩm trong số đó nhận được ít nhất ‘h’ số lần trích dẫn (Hirsch, 2005).

⁴ Chỉ số h hàng năm giúp người dùng CSDL đánh giá hiệu suất nghiên cứu trong một khoảng thời gian cụ thể (Patra, 2017).

England Journal of Medicine, 2024). Tương tự, Hội Vật Lý Hoa Kỳ đã thành lập tạp chí *Physical Review Letters (PRL)* năm 1958 và biến nó thành tạp chí uy tín nhất trong lĩnh vực vật lý với rất nhiều công trình được xuất bản về sau đã đoạt giải Nobel Vật Lý (American Physical Society, 2024). Để duy trì hoạt động và uy tín của mình, cả hai tạp chí này đều cần nguồn ngân sách khổng lồ từ nhà xuất bản.

Thông thường, chi phí hoạt động của một nhà xuất bản học thuật bao gồm ngân sách phát triển tạp chí, ủy thác nội dung, xử lý bản thảo, điều phối quy trình bình duyệt, chỉnh sửa, kiểm tra bản in, đánh máy, định dạng, phân phối, duy trì hoạt động trang chủ, bảo trì nền tảng trực tuyến, xin giấy phép cho phần mềm, công cụ, phí đăng ký, chi phí tiếp thị, quảng bá, dịch vụ khách hàng, trả lương nhân viên và chi phí quản lý (Nature, 2020; RSC, 2024). Những chi phí này có thể tăng nhanh và chi phối đáng kể đến ngân sách tổng thể của nhà xuất bản. Tuy nhiên, một vấn đề quan trọng được đặt ra là ai sẽ là người chi trả.

Để trả lời câu hỏi trên, mô hình đăng ký trả phí đã được áp dụng và vẫn được sử dụng rộng rãi cho đến ngày nay. Trong xuất bản học thuật, mô hình này đề cập đến việc yêu cầu cá nhân hoặc tổ chức, như các trường đại học và viện nghiên cứu, phải trả một khoản phí để có thể truy cập vào các ấn phẩm. Ngành công nghiệp xuất bản học thuật truyền thống đã áp dụng mô hình này, thu phí từ người đọc muốn truy cập nội dung thông qua việc mua bài báo riêng lẻ, đăng ký tạp chí dài hạn, hoặc mua lượt truy cập vào các kho cơ sở dữ liệu. Đây là nguồn thu nhập giúp các nhà xuất bản bù đắp chi phí chỉnh sửa, biên tập và phát hành nghiên cứu. Tuy nhiên, những khoản phí này có thể khá đắt đỏ, đặc biệt là đối với các tổ chức có ngân sách hạn chế. Kết quả là, mô hình này đã phải đối mặt với sự chỉ trích ngày càng tăng vì hạn chế quyền truy cập vào những công trình nghiên cứu và nguồn tri thức quý giá, nhất là đối với những cá nhân không có khả năng chi trả.

3. TRUY CẬP MỞ TRONG XUẤT BẢN HỌC THUẬT

3.1 Khái niệm về Truy cập Mở

Các mô hình đăng ký trả phí chi phối xuất bản khoa học vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, nhưng chúng bắt đầu đối mặt với nhiều thách thức hơn. Khi có nhiều học giả và tổ chức xuất hiện, chi phí để truy cập các ấn phẩm khoa học trở nên quá cao đối với nhiều nhà nghiên cứu và công chúng. Điều này dẫn đến sự khởi đầu của phong trào *Truy cập Mở (Open Access - OA)* vào đầu những năm 2000, tập trung vào việc làm cho nghiên cứu dễ tiếp cận và có chi phí hợp lý hơn, cũng như chia sẻ kết quả nghiên cứu rộng rãi hơn. Phong trào OA có mối liên hệ chặt chẽ với sự phát triển của internet, tạo điều kiện cho việc truy cập thông tin phổ quát toàn cầu.

Truy cập mở là quá trình cung cấp thông tin học thuật cho công chúng mà không có bất kỳ hạn chế nào như rào cản về tài chính, pháp lý, hoặc công nghệ. Cách tiếp cận này khác với cách thức truy cập nghiên cứu truyền thống, trong đó người dùng phải trả tiền để đăng ký đọc tạp chí hoặc các bài báo, nghĩa là chỉ những người có khả năng chi trả mới có thể tiếp cận được với nghiên cứu. Peter Suber, một người ủng hộ mạnh mẽ phong trào OA, cho rằng OA đem đến khả năng cho bất cứ ai có kết nối internet đều có thể tự do đọc, tải về và chia sẻ các bài báo nghiên cứu (Suber, 2012). *Sáng kiến Truy cập Mở Budapest (Budapest Open Access Initiative)* định nghĩa OA là việc các kết quả nghiên cứu có thể được truy cập không giới hạn trên internet, nghĩa là mọi người có thể tự do truy cập, tải xuống, sao chép, phân phối, in ấn, tìm kiếm hoặc liên kết đến toàn bộ nội dung của các ấn phẩm này. OA giúp cho các nghiên cứu được nhiều người biết đến và bài báo dễ dàng tiếp cận hơn. Nhờ đó, khoa học phát triển nhanh và các quốc gia có thể hợp tác với nhau hiệu quả hơn (2002).

Việc xuất bản học thuật theo cách cũ thường giới hạn việc tiếp cận các nghiên cứu bằng cách áp các mức phí cao, yêu cầu người

đọc hoặc tổ chức phải trả tiền. Mô hình OA chuyển chi phí này, còn gọi là **phí xử lý đăng bài (article processing charges - APCs)** sang cho các nhà nghiên cứu khi họ nộp công trình khoa học vào các tạp chí OA. Về cơ bản, chính phủ hay các tổ chức tài trợ nghiên cứu sẽ phải trả những chi phí này, hỗ trợ trực tiếp các nhà khoa học trong công tác nghiên cứu của họ. Điều này có nghĩa là một phần của tiền tài trợ đã dành cho việc xuất bản OA. Những khoản phí này, được thanh toán khi bản thảo được chấp nhận nhằm phục vụ cho các công tác xuất bản.

Sau khi tìm hiểu về các khái niệm về OA, chúng ta sẽ đi sâu vào việc áp dụng thực tế của các khung cấp phép đối với loại hình OA này. Creative Commons (2023) khẳng định mục tiêu chung là thúc đẩy sự lan tỏa và tiếp cận kiến thức rộng rãi hơn đã liên kết chặt chẽ giữa OA và các giấy phép **Creative Commons (CC)**. Các giấy phép CC cung cấp một tiêu chuẩn thống nhất cho cá nhân và tổ chức để cho phép người khác sử dụng các sản phẩm trí tuệ trong phạm vi của luật bản quyền. Có sáu loại giấy phép CC chính, mỗi loại có những quyền và giới hạn riêng.

Giấy phép CC BY (Ghi nhận) cho phép sử dụng, sao chép, chia sẻ và chỉnh sửa tác phẩm với điều kiện người dùng phải ghi nhận tác giả gốc. Các bài báo tự lưu trữ thường sử dụng giấy phép này.

Giấy phép CC BY-NC (Ghi nhận-Phi thương mại): tương tự như CC BY, nhưng cấm mọi hình thức sử dụng cho mục đích thương mại.

Giấy phép CC BY-SA (Ghi nhận-Chia sẻ tương đương) yêu cầu người khác phải chia sẻ những sáng tạo mới của họ theo cùng điều khoản giấy phép để đổi lấy những quyền được đề cập như trên giấy phép CC BY.

Giấy phép CC BY-NC-SA (Ghi nhận-Phi thương mại-Chia sẻ tương đương) tương tự như CC BY-NC, nhưng yêu cầu người khác phải chia sẻ những sáng tạo mới của họ theo cùng điều khoản giấy phép.

Giấy phép CC BY-ND (Ghi nhận-Không

phát sinh) cho phép người khác sử dụng và chia sẻ tác phẩm của tác giả, nhưng họ không được phép chỉnh sửa hay thay đổi nó dưới bất kỳ hình thức nào.

CC0 (Không giữ bản quyền) cung cấp sự tự do hoàn toàn đối với bản quyền và các quyền liên quan, cho phép mọi người tiếp cận tác phẩm của tác giả mà không có bất kỳ giới hạn hay nghĩa vụ ghi nhận nào.

3.2 Các loại hình xuất bản Truy cập mở

Tác phẩm “Open Access” của Suber (2012) cung cấp một cái nhìn tổng quan chi tiết về các loại hình xuất bản OA, bao gồm: **Gold OA (Truy cập mở Vàng)**, xuất bản trên các tạp chí OA), **Green OA (Truy cập mở Xanh)**, tự lưu trữ bài báo trong các kho lưu trữ), **Hybrid OA (Truy cập mở Kết hợp)** là các bài báo OA trên các tạp chí đăng ký trả phí). Ngoài ra, còn có **Bronze OA (Truy cập mở Đồng)** được đề xuất lần đầu bởi Piwowar và các cộng sự (2018), hoặc **Diamond OA (Truy cập mở Kim cương)** được giới thiệu bởi các tạp chí của nền tảng xuất bản khoa học phi lợi nhuận **Scipost** (Scipost, 2024).

3.2.1 Truy cập mở Vàng (Gold OA)

Gold OA đề cập đến những bài báo có thể được công chúng dễ dàng truy cập mà không có bất kỳ hạn chế nào ngay khi chúng vừa được xuất bản. Những bài báo này thường được phát hành trên các tờ báo tuân thủ theo mô hình OA, nơi mà chi phí được tác giả hoặc cơ quan chủ quản của họ thanh toán thông qua phí xử lý đăng bài hoặc bằng phương thức hỗ trợ tài chính nào đó. Chẳng hạn các nhà xuất bản như MDPI, BMC, PLoS, Frontiers, và Hindawi đóng góp một phần lớn các ấn phẩm theo định dạng này.

3.2.1 Truy cập mở Xanh (Green OA)

Green OA xuất hiện khi các tác giả tự do chia sẻ tác phẩm của họ bằng cách lưu trữ chúng trong các kho lưu trữ, chẳng hạn như hệ thống lưu trữ của viện hoặc thư viện chuyên ngành sau khi xuất bản trên một tạp chí đăng ký trả phí. Tác giả cần biết cách sử dụng các nền tảng lưu trữ, bao gồm kỹ thuật tải tài liệu

lên, điền thông tin và nắm rõ các điều khoản bản quyền của tạp chí nơi tác phẩm được xuất bản, để đảm bảo rằng việc tự lưu trữ không vi phạm bất cứ quy định nào. Một số tạp chí có thể cho phép tự lưu bản thảo, bản xem trước và bản hoàn chỉnh của bài báo. Tạp chí có thể yêu cầu **thời gian chờ (embargo period)** trước khi tác giả được phép công khai bản sao lên kho lưu trữ. Có những kho lưu trữ chuyên biệt cho các lĩnh vực cụ thể, chẳng hạn như **bioRxiv** cho sinh học và **SSRN** cho khoa học xã hội.

3.2.3 Truy cập mở Kết hợp (Hybrid OA)

Hệ thống hoạt động dựa trên mô hình **Hybrid OA** cung cấp cho các tác giả sự linh hoạt trong việc chọn lựa phương thức xuất bản. Ví dụ, các tác giả gửi bài báo nghiên cứu cho Tạp chí Nature có thể chọn giữa hai mô hình xuất bản: (1) đăng ký trả phí truyền thống cho phép người đọc đăng ký thuê bao hoặc mua lẻ từng bài báo nếu muốn truy cập, và (2) mô hình Gold OA, trong đó các tác giả hoặc nhà tài trợ của họ trả một khoản phí xử lý đăng bài để làm cho bài báo có thể được truy cập miễn phí (Nature, 2020). Nhà xuất bản Wiley cũng cung cấp cho các tác giả hai tùy chọn cách thức xuất bản nghiên cứu của mình, đồng thời cũng hỗ trợ quá trình chuyển đổi từ hình thức xuất bản truyền thống sang OA (Wiley, 2024b).

Trong khi Gold OA cung cấp quyền truy cập không giới hạn đối với tất cả các ấn phẩm nghiên cứu, còn Hybrid OA chỉ cung cấp quyền truy cập miễn phí giới hạn đối với một số ấn phẩm OA nào đó trong một tạp chí chủ yếu hoạt động theo mô hình đăng ký trả phí truyền thống. Hybrid OA cung cấp cho tác giả nhiều lựa chọn linh hoạt hơn, nhưng cũng bị chỉ trích vì “thu phí hai lần” bằng cách tính phí cho cả tác giả (thông qua phí xử lý đăng bài) và độc giả (thông qua phí đăng ký mua lượt truy cập) cho cùng một ấn phẩm.

3.2.4 Truy cập mở Đồng (Bronze OA)

Bronze OA là thuật ngữ chỉ những bài báo được công khai miễn phí cho độc giả, do nhà xuất bản cung cấp, nhưng không có giấy phép

OA rõ ràng. Theo Garcia, Costas và Leeuwen (2020), loại hình xuất bản này không đáp ứng các yêu cầu về bản quyền cần thiết để được phân loại là OA, do đó không đảm bảo việc truy cập miễn phí vĩnh viễn. Ví dụ về Bronze OA là **arXiv.org**, nơi các nhà nghiên cứu tự đăng tải bản thảo trước khi xuất bản lên một kho lưu trữ công khai miễn phí.

Green OA và Bronze OA giống nhau ở chỗ đều cho phép mọi người đọc bài báo miễn phí. Điểm khác biệt quan trọng là Green OA khuyến khích các nhà nghiên cứu tự lưu trữ bài viết của mình và thường được nhà xuất bản hay tạp chí cho phép sử dụng lại nội dung một cách rõ ràng. Trong khi đó, Bronze OA là do tác giả tự đăng tải mà không thông qua kiểm duyệt nên việc sử dụng lại thông tin có thể bị hạn chế. Nói cách khác, Green OA là một nguồn tham khảo đáng tin cậy, bền vững và chất lượng cao, trong khi Bronze OA chỉ là một cách chia sẻ thông tin không chính thức, có thể thiếu kiểm soát về chất lượng và độ tin cậy.

3.2.5 Truy cập mở Kim cương (Diamond OA)

Diamond OA (Truy cập mở Kim cương), còn được gọi tên khác là **Platinum OA (Truy cập mở Bạch kim)**, là mô hình xuất bản miễn phí cho cả tác giả và độc giả, không thu phí cho quá trình xuất bản hay truy cập tài liệu. Mô hình này thường được hỗ trợ bởi các tổ chức, tập đoàn nghiên cứu hoặc quỹ chính phủ.

Xuất bản Diamond OA không thu phí xử lý đăng bài mang lại sự công bằng, đặc biệt cho các nhà nghiên cứu đến từ các khu vực kinh tế khó khăn. **SciPost** và **Thư viện Nhân văn Mở (Open Library of Humanities)** là hai ví dụ về nền tảng Diamond OA. Các tổ chức và cơ sở giáo dục học thuật quản lý các tạp chí SciPost và cung cấp hỗ trợ tài chính toàn phần. Điều này đảm bảo rằng tác giả hay độc giả không phải trả bất kỳ chi phí nào (Scipost, 2024).

3.3 Phân bố của các loại hình Truy cập mở

Garcia, Costas, và Leeuwen (2020) đã tiến

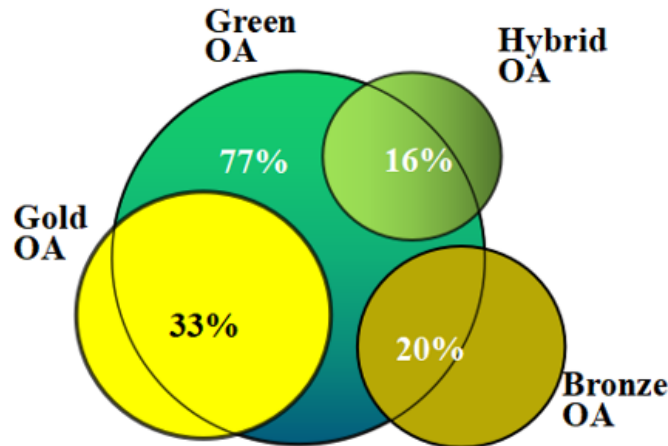
hành phân tích các tệp tin xuất bản khác nhau, tập trung vào khả năng truy cập mở của các sản phẩm nghiên cứu từ 963 trường đại học trên toàn thế giới. Phân tích này đã xác định 1.881.193 trong tổng số 4.620.666 tệp tin đã xuất bản là OA. Bảng 1 và Hình 1 trình bày sự phân bố của các ấn phẩm OA được phân loại khác nhau. Số lượng bài viết Green OA là 1.479.111, tiếp theo là 623.577 bài thuộc

Gold OA, 374.867 bài thuộc Bronze OA và 301.758 bài Hybrid OA. Tuy nhiên, có một sự chông chéo đáng kể giữa hình thức Green OA với các loại OA khác được đề cập ở trên. 63% các ấn phẩm Hybrid OA cũng nằm trong tập hợp Green OA, trong khi đối với các ấn phẩm Bronze OA, tỷ lệ trùng với Green OA là 63%. Còn tỉ lệ trùng lặp với Green OA của Gold OA là 81%.

Bảng 1: Phân bố ấn phẩm theo các loại mô hình OA (Garcia, Costas & Leeuwen, 2020).

Loại hình	Số lượng ấn phẩm	Tỉ lệ phần trăm của tổng OA (%)	Trùng lặp với Green OA (%)
Green OA	1.479.111	77	-
Gold OA	623.577	33	81
Bronze OA	374.867	20	45
Hybrid OA	301.758	16	63

Lưu ý: Cột "Trùng lặp với Green OA" hiển thị tỷ lệ của mỗi loại OA khác nằm trong tập hợp Green OA.



Hình 1. Phân bố của các loại hình OA (Garcia, Costas & Leeuwen, 2020)

Số lượng bài báo được xuất bản trong các tạp chí Gold OA đã tăng đáng kể từ 340.130 vào năm 2011 lên 834.134 vào năm 2018, tăng 145% trong vòng 8 năm (Garcia, Costas & Leeuwen, 2020).

3.4 Quá trình phát triển của xuất bản Truy cập mở

Cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 chứng kiến sự gia tăng đáng kể về số lượng các nhà nghiên cứu và cơ sở giáo dục, khiến cho cách thức xuất bản khoa học phải thay đổi. Fyfe và cộng sự (2017) cho rằng vào những năm đầu thập niên 1960, mô hình xuất bản truyền thống chủ yếu dựa trên việc độc giả đăng ký trả phí; các cơ sở giáo dục phát hành tạp chí

khoa học, còn cá nhân và tổ chức trả phí đăng ký để có được quyền truy cập vào bản in và sau này là bản điện tử (Suber, 2012). Các tạp chí khoa học thường được đăng ký thuê bao bởi các trường đại học, viện nghiên cứu và thư viện. Cá nhân các nhà khoa học, nhà nghiên cứu và người dùng khác có thể đăng ký mua tạp chí và thường có giá cao hơn so với khi đăng ký thuê bao bởi tổ chức (Tenopir & King, 2000). Người không đăng ký thuê bao có thể mua các tài liệu riêng lẻ, thường với giá khá cao (Björk & Solomon, 2013). Điều quan trọng cần lưu ý là ngành xuất bản khoa học đã trải qua những thay đổi đáng kể trong những năm gần đây do sự ra đời của các mô hình xuất bản mới và công bố trên nền

tăng kỹ thuật số. Tuy nhiên, nhiều phương pháp truyền thống truy cập thông tin vẫn tồn tại đồng thời với các phương pháp hiện đại, đa dạng hơn trong việc chia sẻ kiến thức khoa học.

Vào đầu những năm 2000, phong trào OA bắt đầu nổi lên do chi phí công bố nghiên cứu khoa học tăng cao và hạn chế về quyền truy cập do bị quản lý bởi cách thức xuất bản truyền thống (Budapest Open Access Initiative, 2002) và xu hướng xuất bản khoa học OA gắn liền với sự phát triển của internet (Laakso et al., 2011). Việc xuất hiện của OA vào thời điểm đó không phải là ngẫu nhiên, bởi internet đã tạo ra nền tảng cần thiết để OA trở nên khả thi. Theo Noorden (2014), vào năm 1991, Paul Ginsparg đã sáng lập kho lưu trữ trực tuyến *arXiv.org*, được xem là một bước đột phá trong việc công bố nghiên cứu mở, đánh dấu sự ra đời của phong trào OA. Tuy nhiên, xuất bản OA đối mặt với nhiều thách thức, chủ yếu liên quan đến tranh chấp bản quyền và chất lượng bài viết. Trong thập kỷ tiếp theo, số lượng tạp chí OA tăng đáng kể, được minh chứng bởi sự ra đời của *Danh mục các Tạp chí Truy cập Mở (Directory of Open Access Journals - DOAJ)* vào năm 2003 (Björk, 2011). Trong những năm 2010, các cơ quan tài trợ và tổ chức bắt đầu yêu cầu các nghiên cứu viên đăng tải kết quả nghiên cứu của họ trên các tạp chí OA (Larivière et al., 2018).

Phong trào OA tiếp tục phát triển mạnh mẽ với các sáng kiến như *Kế hoạch S (Plan S)* vào năm 2018, khuyến khích các nhà khoa học công bố các bài báo của mình dưới dạng OA ngay lập tức (Else, 2018). Gần đây nhất, đại dịch COVID-19 đã cho thấy tầm quan trọng của việc chia sẻ nghiên cứu nhanh chóng và công khai, khiến nhiều người ủng hộ OA hơn (Tavernier, 2020). Sự tiến triển này phản ánh một xu thế thay đổi cơ bản trong công bố học thuật, nhấn mạnh tính dễ tiếp cận, minh bạch và dân chủ hóa tri thức. Vào năm 2023, Gold OA đã xuất bản khoảng 12,54 triệu, tương đương 38% tổng số bài báo, bài tổng quan và bài báo cáo hội nghị trên toàn thế giới, giúp

chúng có thể được truy cập nhanh chóng và công khai (STM Association, 2024).

Tuy nhiên, mô hình "tác giả trả phí" trong OA, đặc biệt thông qua việc áp dụng rộng rãi phí xử lý đăng bài, đã dẫn đến những thách thức đáng kể trong bối cảnh xuất bản học thuật. Các "*nhà xuất bản/ tạp chí săn mồi*" (*predatory publishers/ journals*), vốn ưu tiên lợi nhuận hơn là tính trung thực học thuật và thực hiện rất ít hoặc không thông qua quy trình bình duyệt cũng như giám sát biên tập, đã lợi dụng triệt để mô hình OA (Beall, 2012). Sự lệch hướng này so với triết lý ban đầu của OA thể hiện mối lo ngại trong sự phát triển của công bố học thuật. Hơn nữa, sự xuất hiện của các "tạp chí giả mạo" thường có trụ sở tại các quốc gia như Ấn Độ, Bangladesh và Pakistan, tính phí APC rất thấp và không được kiểm duyệt hàm lượng khoa học đầy đủ, dẫn đến sự gia tăng của các nghiên cứu kém chất lượng (Shen & Björk, 2015). Những lựa chọn xuất bản giá thấp, thường là tạp chí bầy hoặc tạp chí giả, thu hút các nhà nghiên cứu từ các quốc gia đang phát triển, nơi nguồn vốn cho nghiên cứu còn hạn hẹp. Thực trạng này là biến tướng của mô hình OA và cần phải được xử lý để bảo vệ tính liêm chính của xuất bản học thuật.

3.5 Những ưu điểm và bất cập của mô hình xuất bản Truy cập Mở

3.5.1 Ưu điểm của mô hình xuất bản Truy cập Mở

a. Tiếp cận nhanh chóng, tiến bộ và đầy mạnh hợp tác:

Truy cập mở giúp cho mọi người dễ dàng tiếp cận các nghiên cứu học thuật hơn, vì nó loại bỏ những rào cản như chi phí truy cập, đôi khi cả phí đăng bài. Mọi người có thể truy cập vào các kết quả nghiên cứu một cách miễn phí, chỉ cần có kết nối internet. Điều này thúc đẩy việc phát tán thông tin một cách bình đẳng, cho phép các tổ chức và khu vực địa lý khác nhau đến gần với các nghiên cứu (Suber, 2012). Ngược lại, các mô hình xuất bản truyền thống thường hạn chế quyền truy cập thông tin, chỉ cho phép những người thuê

bao có đủ khả tài chính để mua gói đăng ký hoặc từng bài báo riêng lẻ. Những trở ngại khi tiếp cận thông tin gây ra nhiều khó khăn cho các nhà nghiên cứu và công chúng, đặc biệt là các nhà khoa học hoặc tổ chức có nguồn ngân sách khiêm tốn. Bằng cách đưa bài báo đến công chúng ngay sau khi công bố, OA thúc đẩy việc lan truyền nhanh chóng các kết quả nghiên cứu. Sự nhanh chóng này có thể thúc đẩy sự lan truyền ý tưởng và thúc đẩy tiến bộ khoa học (Budapest Open Access Initiative, 2002). Ngoài ra, OA cũng nâng cao sự hợp tác quốc tế vì thúc đẩy các nhà nghiên cứu từ nhiều cơ sở, đặc biệt là những nơi tài chính hạn chế, tham gia và đóng góp vào các cuộc nghiên cứu học thuật trên toàn cầu bằng cách loại bỏ các rào cản truy cập (Suber, 2012).

b. Tăng cường độ nổi bật và tầm ảnh hưởng

Các bài báo OA thường có độ nổi bật và ảnh hưởng cao hơn vì mọi người dễ dàng truy cập vào để đọc chúng mà không cần mất phí. Nhiều nghiên cứu cho thấy các bài báo OA nhận được nhiều lượt đọc và tham khảo hơn so với những bài báo được truy cập sau khi phải thanh toán các khoản phí. So với các ấn phẩm được công bố trên tạp chí đăng ký trả phí, các bài báo đăng trên tạp chí OA được tìm thấy dễ dàng hơn, số lượng độc giả và số lượng trích dẫn cũng cao hơn. Điều này có nghĩa là các bài báo OA được biết đến nhiều hơn và có tác động lớn hơn trong cộng đồng học thuật (Piwowar et al., 2018). Ngược lại, các bài báo trên các tạp chí đăng ký trả phí ít có khả năng được biết đến rộng rãi và tầm ảnh hưởng hạn chế hơn. Khi khả năng tìm thấy của một tạp chí giảm, điều này có thể làm giảm chỉ số tác động của tạp chí và vị thế của nó trong cộng đồng khoa học (Elsevier, 2021).

3.5.2 Những bất cập của Truy cập mở

a. Rào cản từ phí xử lý đăng bài

Việc truy cập mở phụ thuộc vào các phí xử lý đăng bài do tác giả hoặc các tổ chức của họ chi trả là một thách thức lớn. Việc áp dụng các khoản phí này có thể tạo ra gánh nặng tài chính đáng kể và có thể cản trở khả năng của

các nhà nghiên cứu không đủ điều kiện tài chính để có thể được công bố công trình khoa học chất lượng trên các nhà xuất bản hoặc tạp chí uy tín (Piwowar et al., 2018).

b. Lo ngại về chất lượng

Bên cạnh gánh nặng tài chính từ phí xử lý đăng bài, một vấn đề đáng lo ngại khác là chất lượng của một số tạp chí OA (Piwowar et al., 2018). Mặc dù OA đã góp phần dân chủ hóa việc xuất bản khoa học, giúp tiếp cận nghiên cứu rộng rãi hơn và thúc đẩy hợp tác quốc tế, nhưng nó cũng kéo theo sự xuất hiện của “***các nhà xuất bản/tạp chí săn mồi***” như đã đề cập ở trên. Các nhà xuất bản và tạp chí này thường không quan tâm đến đạo đức học thuật và lợi dụng mô hình OA để kiếm lợi nhuận, gây ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín của các công trình nghiên cứu được xuất bản. Chúng thường yêu cầu trả trước “phí xử lý” hoặc “phí xuất bản” mà không có quy trình bình duyệt nghiêm ngặt hoặc bình duyệt sơ sai. Hậu quả là phát hành các nghiên cứu kém chất lượng hoặc gian lận, gây ảnh hưởng đến tính liêm chính của tài liệu khoa học. Sự gia tăng của các tạp chí săn mồi đã làm xói mòn niềm tin vào hệ thống OA. Điều này khiến các nhà nghiên cứu khó phân biệt giữa tạp chí OA uy tín và tạp chí săn mồi, dẫn đến lãng phí thời gian và tài nguyên (Anderson, 2023). Uy tín của nhà nghiên cứu có thể bị ảnh hưởng nếu họ gửi bài báo cho một nhà xuất bản/tạp chí săn mồi, đặc biệt nếu nghiên cứu đó bị phát hiện là không đáng tin cậy. Các nhà nghiên cứu cũng có thể bị thiệt hại về tài chính do đã trả phí xử lý đăng bài cho các tác phẩm mà sau đó cũng không được lập chỉ mục vào cơ sở dữ liệu hoặc trích dẫn.

c. Thách thức liên quan đến hỗ trợ tài chính và khả năng tồn tại lâu dài

Một vấn đề quan trọng liên quan đến việc duy trì và ổn định lâu dài của các ấn phẩm OA đến từ các nhà xuất bản. Không giống như các tạp chí truyền thống dựa trên mô hình đăng ký trả phí thường có cơ sở hạ tầng ổn định và hỗ trợ tài chính từ các nhà xuất bản lớn, những tạp chí OA hoạt động trên quy mô

nhỏ phụ thuộc vào nguồn thu phí do tác giả chi trả, có thể gặp khó khăn trong việc đảm bảo tồn tại lâu dài. Điều này có thể dẫn đến việc một số lượng đáng kể các nhà xuất bản OA phải đóng cửa, khiến các bài báo không thể truy cập được sau một thời gian được công bố.

3.6 Sự khác biệt trong xuất bản Truy cập mở giữa các lĩnh vực và địa lý

Tình hình xuất bản OA có sự khác biệt đáng kể giữa các lĩnh vực học thuật khác nhau, từ khoa học xã hội và kinh tế đến khoa học tự nhiên. Phần này sẽ đi sâu phân tích sự

khác biệt trong quy trình xuất bản OA giữa các ngành học thuật, đồng thời xem xét các yếu tố như số lượng tạp chí và nhà xuất bản trong giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2019, cũng như phân bố xuất bản OA giữa các vùng địa lý trên thế giới.

3.6.1 Sự khác biệt trong xuất bản Truy cập mở giữa các lĩnh vực

Bảng 2 thể hiện chi tiết về sự phân bố của các tạp chí OA theo các ngành từ năm 2000 đến 2019, cho thấy mức độ áp dụng OA khác nhau giữa các lĩnh vực.

Bảng 2. Phân bố các tạp chí OA theo lĩnh vực từ năm 2000 đến 2019 (Kim và Park, 2021)

Lĩnh vực/ Ngành	2000	2010	2019
Khoa học xã hội	5,6%	10,4%	19,9%
Nghệ thuật và nhân văn	4,8%	8,3%	17,6%
Kinh doanh, quản lý và kế toán	2,5%	5,6%	12,4%
Kinh tế học	2,8%	3,0%	17,3%
Tâm lý học	2,2%	8,5%	15,6%
Khoa học thần kinh	20,5%	20,5%	26,5%
Vật lý và thiên văn học	8,8%	8,8%	14,1%
Kỹ thuật	4,6%	4,6%	11,9%
Khoa học máy tính	4,1%	2,6%	9,2%
Tổng cộng	4.3%	6.4%	15.5%

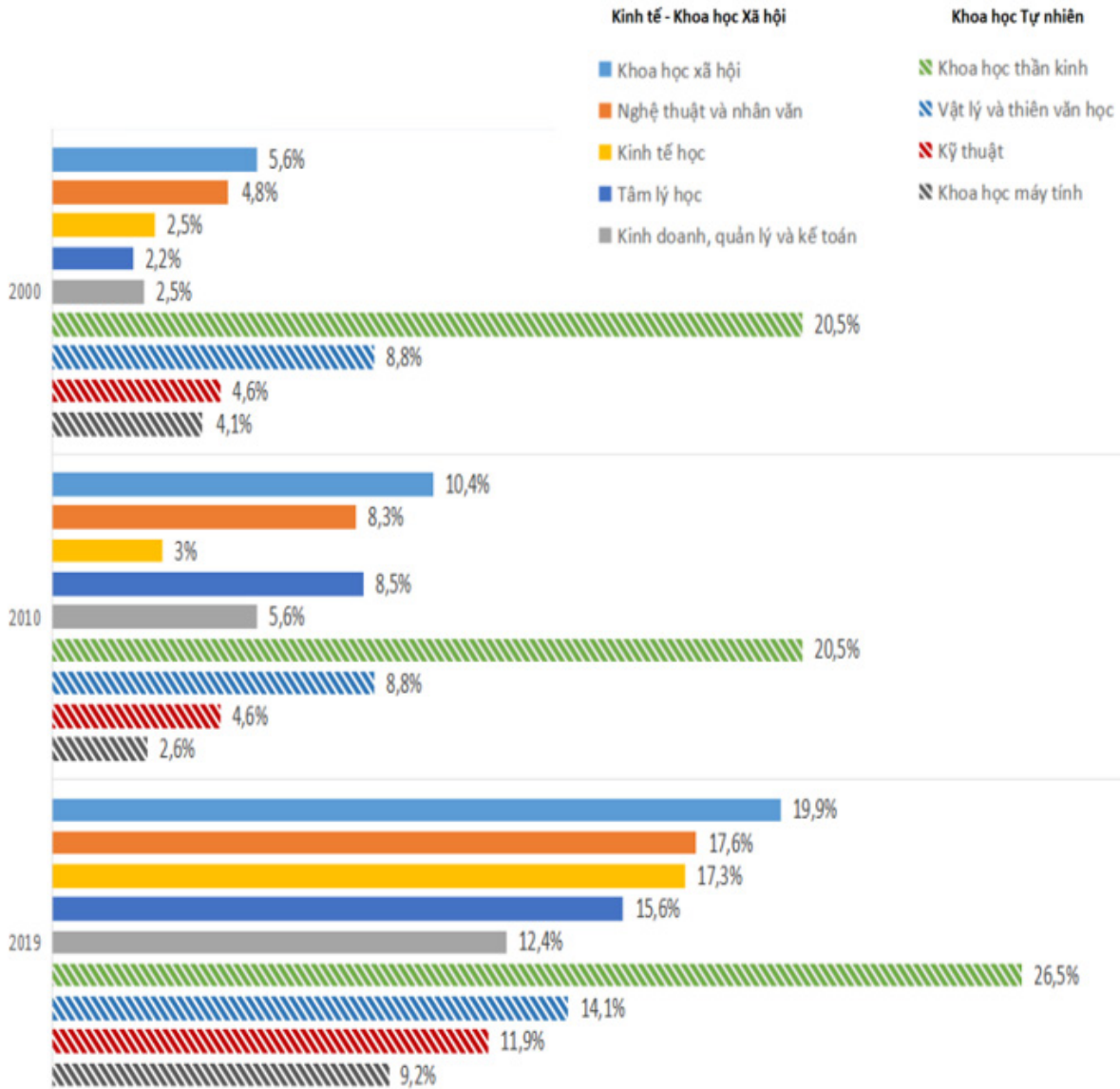
Để làm rõ hơn những xu hướng này, một biểu đồ thanh (Hình 2) được xây dựng để thể hiện dữ liệu một cách trực quan, cho phép phân tích so sánh sự phổ biến và tăng trưởng của các tạp chí OA theo thời gian. Hình 2 thể hiện xu hướng xuất bản OA trong nhiều lĩnh vực khác nhau ở ba năm khác nhau. Mỗi thanh đại diện cho một lĩnh vực khác nhau, và độ dài của các thanh tương ứng với tỷ lệ số lượng các công trình xuất bản OA trong một ngành nào đó trong các năm được đề cập. Mỗi màu sắc đại diện cho một ngành khác nhau. Thanh tròn biểu thị các ngành Kinh tế - Khoa học Xã hội, thanh sọc biểu thị các ngành Khoa học Tự nhiên.

Nhìn chung, xu hướng cho thấy sự gia tăng đáng kể về xuất bản OA theo thời gian trong tất cả các lĩnh vực, với các ngành Khoa học Tự nhiên thường có tỷ lệ áp dụng cao hơn so với các ngành Kinh tế - Khoa học Xã hội

trong giai đoạn từ năm 2000 đến 2019.

Năm 2000, tỷ lệ xuất bản OA trong các ngành Kinh tế - Khoa học Xã hội nói chung khá thấp. Ví dụ, ngành Tâm lý học có tỷ lệ xuất bản OA là 2,2%. Năm 2019, có sự gia tăng đáng kể, đơn cử như ngành Khoa học Xã hội tăng từ 5,6% năm 2000 lên 19,9% và ngành Tâm lý học tăng lên 15,6% sau hai mươi năm. Mặt khác, các ngành Khoa học Tự nhiên có điểm khởi đầu cao hơn về xuất bản OA. Ví dụ, tỷ lệ của ngành Khoa học Thần kinh năm 2000 và 2010 là 20,5% và tăng lên 26,5% vào năm 2019. Tỷ lệ của ngành Vật lý và Thiên văn học tăng gần gấp đôi từ 8,8% trong 10 năm đầu tiên của giai đoạn này lên 14,1% vào năm 2019, cho thấy sự thay đổi nhanh chóng của lĩnh vực này đối với việc xuất bản OA. Ngành Khoa học máy tính bắt đầu với 4,1% trước khi giảm xuống 2,6% mười năm sau đó và tăng lên 9,2% vào năm

2019, cho thấy sự biến động tương đối lớn so với các ngành Khoa học Tự nhiên khác.



Hình 2. Xu hướng xuất bản truy cập mở theo lĩnh vực (2000-2019)

3.6.2 Sự phân bố trong xuất bản Truy cập mở giữa các vùng địa lý

Hình 3 thể hiện phân bố địa lý của các bài báo OA trong ba năm và 9 lĩnh vực học thuật được trích từ nghiên cứu của Kim và Park (2021). Đồ thị thể hiện xu hướng tăng trưởng liên tục trong tất cả các loại hình OA, cho thấy sự chấp nhận ngày càng cao đối với các ấn phẩm thể loại này.

4. XU HƯỚNG HIỆN TẠI VÀ TRIỂN VỌNG CỦA TRUY CẬP MỞ

Hiện nay, ngày càng có nhiều trường đại học đang công bố các luận án tiến sĩ dưới

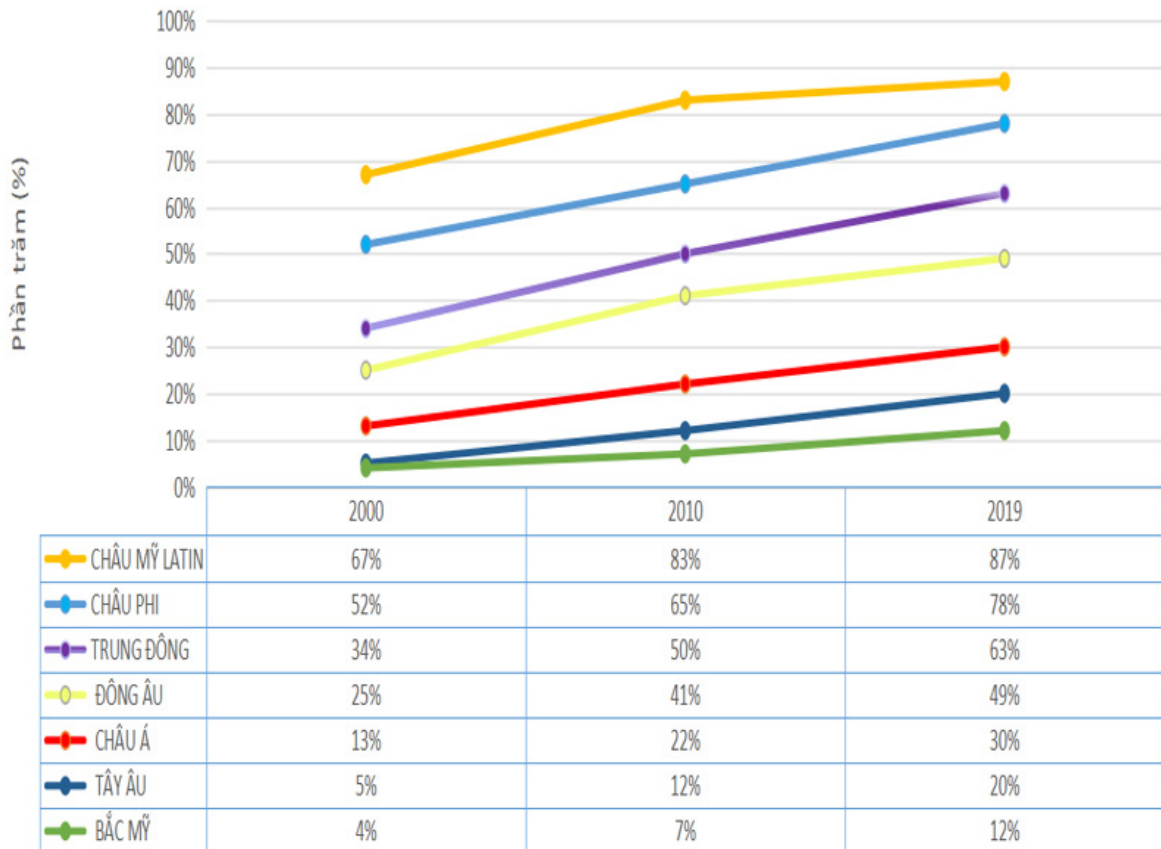
dạng điện tử và một số trường đã thiết lập thỏa thuận với các nhà xuất bản để đảm bảo việc công bố kịp thời và lưu trên kho lưu trữ trong thư viện của họ. Các thỏa thuận xuất bản này giúp nâng cao khả năng tìm kiếm và cạnh tranh của các nhà nghiên cứu (Cordón-García et al., 2013). Nhiều tổ chức tài trợ cũng yêu cầu rằng các nghiên cứu mà họ hỗ trợ phải được xuất bản theo hình thức OA để đảm bảo rằng kết quả nghiên cứu có thể được công chúng tiếp cận (Piwowar và các cộng sự, 2018). Tiêu chí này phù hợp với mục tiêu tối đa hóa việc phổ biến và lan tỏa tầm ảnh hưởng của các nghiên cứu. Các phương pháp xuất bản truyền thống thường không đạt được

những mục tiêu này, do đó ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của các nhà nghiên cứu trong việc nhận tài trợ trong tương lai hoặc tuân thủ các yêu cầu của quỹ tài trợ (Suber, 2012).

Trong những năm gần đây, có sự thay đổi đáng kể về việc tài trợ và công bố nghiên cứu học thuật, đặc biệt là về chi phí xuất bản. Chi phí xuất bản trên các tạp chí và hội nghị quốc tế uy tín có thể rất cao (Laakso & Björk, 2012). Điều này đã trở thành rào cản cho các nhà khoa học và các cơ sở nghiên cứu ở những quốc gia có nguồn lực hạn chế. Để đảm bảo sự phổ biến rộng rãi của nghiên cứu khoa học, nhiều cơ sở, chẳng hạn như các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp, đã thành lập quỹ để tài trợ chi phí xuất bản cho các tạp chí OA.

Các tổ chức tài trợ nghiên cứu học thuật tại Việt Nam đang tích cực khuyến khích cả nghiên cứu khoa học cơ bản và ứng dụng, đặc biệt là trong việc hỗ trợ các nhà khoa học trẻ phát triển. Bên cạnh các tổ chức hàng đầu

trong nước như *Quỹ Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED)* và *Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VAST)*, còn có các nguồn tài trợ nước ngoài như *Quỹ Newton (Anh)*, *Quỹ Aus4Innovation (Úc)*, *Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản - JICA (Nhật Bản)* và *Chương trình học bổng Marie Skłodowska-Curie Actions (Châu Âu)*. Một trong những phương pháp đang được sử dụng là cung cấp tài chính để bù đắp chi phí xử lý đăng bài liên quan đến việc xuất bản kết quả nghiên cứu trên các tạp chí uy tín. Vương Quân Hoàng (2019) cho biết nhiều tổ chức Việt Nam đã thiết lập các chương trình khuyến khích xuất bản quốc tế, đặc biệt là những tạp chí được lập chỉ mục trong WoS và SCOPUS. Hồ Mạnh Tùng và cộng sự (2021) cho biết trong khi tiền thưởng của một số tổ chức có thể cao hơn phí đăng bài thông thường, thì nhiều cơ sở khác chỉ cấp một phần để trang trải và tác giả có trách nhiệm chi trả phần còn lại.



Hình 3. Phân bố tổng thể các bài báo truy cập mở ở những khu vực trên thế giới từ năm 2000 đến 2019 (Kim và Park, 2021)

Nhiều tạp chí và nhà xuất bản uy tín đã thiết lập nhiều chương trình để hỗ trợ các nhà nghiên cứu đến từ các quốc gia có thu nhập thấp, đang chịu ảnh hưởng của chiến tranh hoặc thiên tai cũng như tập trung nghiên cứu vào các chủ đề mang tính cấp thiết, đặc biệt là trong thời kỳ khẩn cấp toàn cầu. Các chính sách này thường bao gồm việc miễn hoặc giảm phí APC. Ví dụ, **Research4Life**, một đối tác giữa các tổ chức công lập và tư nhân ở Liên Hợp Quốc đem đến cơ hội nâng cao chất lượng giáo dục và nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực y tế, nông nghiệp, môi trường và nhiều lĩnh vực khác (Research4Life, 2023). Nhà xuất bản PLOS (2023) thông báo rằng nếu một bài báo nằm trong nghiên cứu được tài trợ chính (50% trở lên) bởi một tổ chức tại các nước thuộc Nhóm A của Research4Life, thì việc xuất bản trên tạp chí PLOS sẽ được miễn phí. Các tác giả đang làm việc tại các nước thuộc Nhóm B của Research4Life, bao gồm Việt Nam, sẽ được giảm giá xuất bản trên tạp chí xuống còn 800 đô la Mỹ. Trong những trường hợp đặc biệt, chẳng hạn như đại dịch COVID-19 vừa qua, một số nhà xuất bản, bao gồm Springer Nature, New England Journal of Medicine, Elsevier và Wiley, đã ban hành việc miễn tạm thời phí APC đồng thời chuyển tất cả các công bố liên quan đến COVID-19 sang trạng thái OA. Các khoản miễn giảm này nhằm mục đích hỗ trợ các nhà nghiên cứu và thúc đẩy việc phổ biến thông tin quan trọng liên quan đến đại dịch.

Điểm chú ý nữa là bản ghi nhớ Nelson, một chỉ thị của Nhà Trắng yêu cầu các nghiên cứu mà chính phủ tài trợ phải được công bố rộng rãi ngay lập tức, đang vấp phải sự phản đối từ các nhà xuất bản học thuật và một số nhà lập pháp. Họ lo ngại rằng việc này sẽ ảnh hưởng đến bản quyền, gây xáo trộn ngành xuất bản và gây thiệt hại về tài chính cho ngành xuất bản học thuật hiện đang trị giá 19 tỷ USD của nước này. Tuy nhiên, bản ghi nhớ Nelson cũng nhận được sự ủng hộ từ nhiều cá nhân và thư viện. Việc thực hiện bản ghi nhớ Nelson dự kiến sẽ có hiệu lực vào năm 2026,

loại bỏ thời gian chờ 12 tháng theo như quy định hiện hành⁵ (Palmer, 2024).

Một xu hướng đáng lo ngại là việc các tạp chí OA từng có uy tín lại chuyển sang hoạt động kiểu săn mồi sau một vài năm hoạt động. Những tạp chí này thường bắt đầu bằng việc tuân thủ các quy trình phản biện nghiêm ngặt và duy trì các chuẩn mực đạo đức trong xuất bản để xây dựng danh tiếng và thu hút các tác giả. Tuy nhiên, theo thời gian, họ có thể bắt đầu ưu tiên việc tối đa hóa lợi nhuận hơn là duy trì các tiêu chuẩn cao về chất lượng và sự liêm chính. Điều này có thể dẫn đến sự suy giảm về tiêu chuẩn và gây tổn hại cho cộng đồng khoa học. Một ví dụ liên quan là việc Wiley mua lại Hindawi, một nhà xuất bản OA vào năm 2021. Trong khi ban đầu Hindawi được công nhận nhờ gắn kết với OA và quy trình phản biện chặt chẽ, nhưng nhiều bê bối đã xuất hiện trong quy trình xuất bản của họ những năm gần đây. Các cuộc điều tra đã phát hiện ra những trường hợp có sự thỏa hiệp trong bình duyệt, bao gồm việc thao túng quy trình biên tập và chấp nhận các bài viết chất lượng thấp. Điều này cuối cùng dẫn đến quyết định của Wiley là ngừng sử dụng thương hiệu Hindawi (Wiley & Sons, 2021) và đóng cửa 19 tạp chí học thuật của Hindawi do vấn nạn về các “xưởng sản xuất báo khoa học”, sử dụng công nghệ trí tuệ AI để viết bài, vẽ hình minh họa thiếu chuẩn xác về mặt chuyên môn khoa học và các vi phạm khác về tính liêm chính học thuật (Claburn, 2024).

Việc một tạp chí từng có uy tín trở thành tạp chí săn mồi có thể gây phức tạp cho việc đánh giá nội dung đã được xuất bản trước đó. Việc xuất bản trên một tạp chí chất lượng sau đó trở thành tạp chí săn mồi có thể ảnh hưởng đến danh tiếng của một nhà khoa học, nhưng mức độ thiệt hại phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Nếu một nhà nghiên cứu xuất bản kết quả của mình trên một tạp chí danh tiếng mà không biết về sự suy giảm uy tín sau đó của nó, cộng đồng khoa học thường xem xét tình huống này bằng sự cảm thông.

⁵ Quy định thời gian chờ 12 tháng là sau khi một nghiên cứu được tài trợ bởi chính phủ hoàn thành, các nhà xuất bản có thể lựa chọn không công bố nó ra công chúng trong vòng 1 năm để thu phí truy cập từ người đọc (Palmer, 2024).

5. KẾT LUẬN

Việc xuất bản truy cập mở, từng được xem là một hoạt động đặc thù và gặp phải sự phản đối từ nhiều nhà nghiên cứu, nhưng hiện nay đã được chấp nhận rộng rãi như một phần thường nhật của quá trình nghiên cứu (Shaw và Barker, 2023). Các nhà nghiên cứu ngày càng chọn xuất bản các bài báo theo hướng OA do hứng thú cá nhân hơn là cảm thấy bị bắt buộc phải làm như vậy, cho thấy một xu hướng gia tăng về sự tham gia tích cực đối với OA.

Điều cần nhận thức là không phải tất cả các tạp chí OA đều là các tạp chí sẵn miễn với chất lượng khoa học kém. Nhiều tạp chí OA có uy tín và đóng góp quan trọng cho cộng đồng khoa học. Các nhà nghiên cứu có thể bảo vệ bản thân và nâng cao độ tin cậy của các bài báo khoa học bằng cách nhận diện những rủi ro do các tạp chí sẵn miễn gây ra và chọn các nhà xuất bản OA uy tín. Khi nộp

bản thảo nghiên cứu, các tác giả nên tránh xa những tạp chí hay nhà xuất bản sẵn miễn và giả mạo để giảm thiểu bất kỳ tổn hại nào đến danh tiếng khoa học của mình và kiên trì xuất bản công trình của mình qua các kênh đáng tin cậy. Việc chủ động minh bạch về vấn đề này có thể mang lại lợi ích về sau.

Thước đo thực sự của truy cập mở là ảnh hưởng cụ thể mà mô hình này mang lại cho thế giới. Sự xuất hiện của mô hình OA là cần thiết để giúp đỡ những người làm nghiên cứu, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của con người và chủ động giải quyết những thách thức cấp bách mà hành tinh chúng ta đang phải đối mặt. Mặc dù việc công bố nghiên cứu chất lượng cao được truy cập miễn phí là rất quan trọng, nhưng chỉ chừng này thôi là chưa đủ. Chúng ta còn phải đảm bảo rằng mô hình OA cho phép các nhà khoa học tạo ra tác động mạnh mẽ, thúc đẩy sức sáng tạo và cuối cùng xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn cho thế giới học thuật.

Thông tin tác giả:

ThS. Nguyễn Lê Uyên Minh, Thư ký Tòa soạn của Tạp chí Khoa học Trường Đại học Phan Thiết - Giảng viên Khoa ngoại ngữ, Trường Đại học Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Email: nluminh@upt.edu.vn

TS. Nguyễn Minh Tâm (*Tác giả liên hệ), Thành viên Hội đồng Biên tập Tạp chí Khoa học Trường Đại học Phan Thiết - Trưởng Khoa Cơ bản, Trường Đại học Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Email: nmtam@upt.edu.vn

Ghi chú:

Các tác giả đã xác nhận không có tranh chấp về lợi ích đối với bài báo này.